

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Thiện

2. Ông Lý Văn Tìl

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:193/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Số ABC ND, phường BT, thành phố, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số DEF, khu vực X, phường TN, quận BT, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp TT, xã TX, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo giấy đăng ký kinh doanh, Công ty S hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 13/01/2021 bà Trương Thị Q có ký hợp đồng số OMM210101010NA19X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS: ABCD-XXX.XX, loại xe SH MODE, số khung 5XXXXXXXXXXXX, số máy JXXXXXXXXXXXX, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032254 do Công an huyện TL cấp ngày 27/12/2019. Số tiền cầm cố 28.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 13/01/2021) với mức lãi suất 1,1%/tháng. Mỗi tháng bà Q có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi. Trường hợp không trả lãi đúng hạn thì bà Q phải trả lãi quá hạn bằng 1,65% trên số tiền quá hạn thanh toán. Ngoài ra, bà Q còn phải chịu khoản phí quản lý hồ sơ cố định trong 12 tháng. Cùng ngày 13/01/2021 Công ty đã giải ngân số tiền 28.000.000 đồng cho bà Q. Sau đó bà Q có ký giấy mượn lại xe để sử dụng. Thỏa thuận trong 01 tháng sẽ trả lại xe. Sau khi bà Q nhận tiền đến nay không thanh toán đủ và cũng không trả lại xe. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 26/5/2025) bà Q nợ Công ty số tiền 33.397.290 đồng (trong đó nợ gốc 18.316.604 đồng, lãi trong hạn 845.937 đồng, lãi quá hạn 14.234.749 đồng) và phí quản lý hồ sơ 3.075.026 đồng. Nay tôi xác định chỉ yêu cầu bà Q trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh như trên. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn chênh lệch trong đơn khởi kiện, rút lại toàn bộ yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ và rút lại yêu cầu trả lại xe vì không biết hiện nay bà Q đã mang xe đi đâu.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc

bà Trương Thị Q trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 33.397.290 đồng (trong đó nợ gốc 18.316.604 đồng, lãi trong hạn 845.937 đồng, lãi quá hạn 14.234.749 đồng) tính đến ngày 26/5/2025 và lãi suất phát sinh từ ngày 27/5/2025 đến khi bà Q thanh toán xong nợ. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Q trả lại 01 xe mô tô hai bánh BKS: ABCD-XXX.XX, loại xe SH MODE, số khung 5XXXXXXXXXXXX, số máy JXXXXXXXXXXXX, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032254 do Công an huyện TL cấp ngày 27/12/2019 và phí quản lý hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu giải quyết “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” với bị đơn bà Trương Thị Q có nơi cư trú tại ấp TT, xã TX, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng số OMM210101010NA19X ngày 13/01/2021 và giấy mượn xe giữa bà Q với Công ty Cổ phần S. Đủ căn cứ xác định bà Trương Thị Q cầm cố cho Công ty Cổ phần S 01 xe mô tô hai bánh BKS: 65E1- 360.06, loại xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG0610JY676847, số máy JG3D4E704573, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 036202 do Công an huyện TL cấp ngày 24/7/2020 BKS: ABCD-XXX.XX, loại xe SH MODE, số khung 5XXXXXXXXXXXX, số máy JXXXXXXXXXXXX, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032254 do Công an huyện TL cấp ngày 27/12/2019. Số tiền cầm cố 28.000.000 đồng; thời hạn 12 tháng (từ ngày 13/01/2021) với mức lãi suất 1,1%/tháng. Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, thể hiện sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản thì bà Trương Thị Q đã ký giấy mượn lại xe nêu trên và sử dụng cho đến nay. Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng cầm cố và mượn

lại xe đã quá thời hạn thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty Cổ phần S hoạt động lĩnh vực nhận cầm cố tài sản có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật. Bà Trương Thị Q thỏa thuận ký kết hợp đồng cầm cố trên cơ sở tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng nên Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Q trả số tiền đã nhận nêu trên và lãi phát sinh, bà Q không có ý kiến phản hồi cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ phủ nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền đã cầm cố tài sản và lãi suất phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S yêu cầu bà Q trả số tiền lãi quá hạn 46.926.723 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi quá hạn, chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26/5/2025 là 14.234.749 đồng. Đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 3.075.026 đồng và rút lại yêu cầu bà Q trả 01 xe mô tô BKS: ABCD-XXX.XX, loại xe SH MODE, số khung 5XXXXXXXXXXXX, số máy JXXXXXXXXXXXX. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi quá hạn do nguyên đơn rút yêu cầu là 32.691.974 đồng và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi xe và số tiền phí quản lý hồ sơ 3.075.026 đồng.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 311; Điều 313; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc bà Trương Thị Q phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 33.397.290 đồng (trong đó nợ gốc

18.316.604 đồng, lãi trong hạn 845.937 đồng, lãi quá hạn 14.234.749 đồng) tính đến ngày 26/5/2025.

Kể từ ngày 27/5/2025 bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 032254 do Công an huyện TL cấp ngày 27/12/2019 cho bà Q khi bà Q thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông bà Trương Thị Q về việc buộc bà Q trả 01 xe mô tô hai bánh BKS: ABCD-XXX.XX, loại xe SH MODE, số khung 5XXXXXXXXXXXX, số máy JXXXXXXXXXXXX và số tiền phí quản lý hồ sơ 3.075.026 đồng.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn 32.691.974 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.669.864 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Công ty Cổ phần S không phải nộp. Đại diện Công ty Cổ phần S đã nộp tạm ứng án phí 1.729.000 đồng theo biên lai thụ tiền số 0004778 ngày 20/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được nhận lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

Đỗ Ngọc Diễm